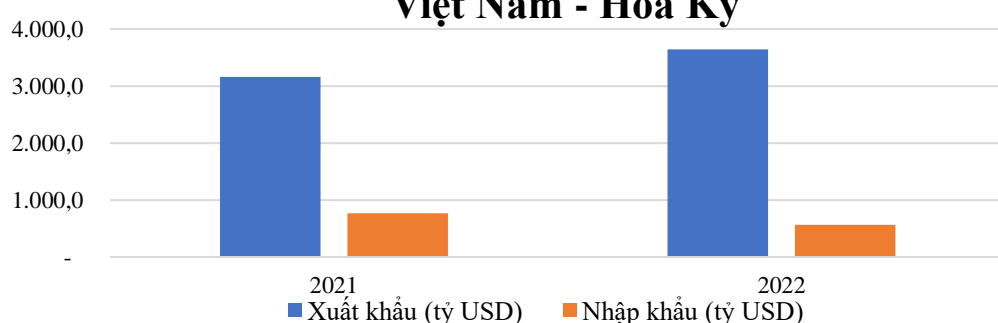


# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường HOA KỲ



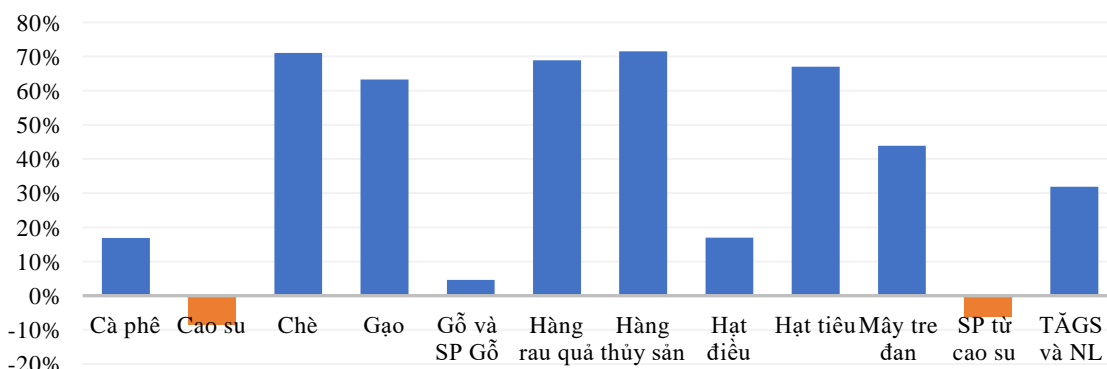
### Xuất khẩu và Nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hoa Kỳ



So sánh Kim ngạch XNK NLTS Việt Nam – Hoa Kỳ (3T – 2022/2021)

Xuất khẩu ▲ 15,2%  
Nhập khẩu ▼ 26,2%

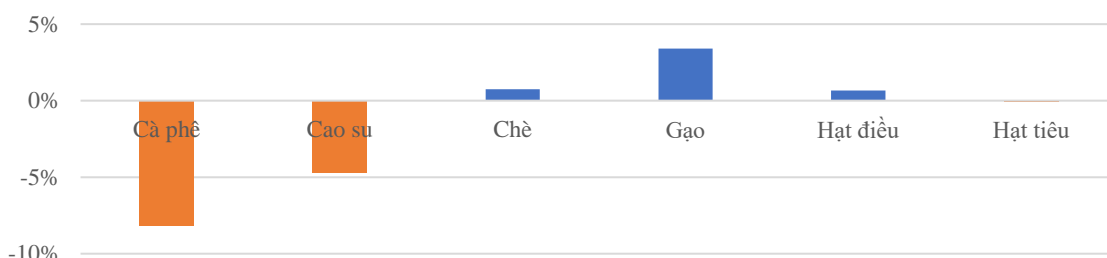
### Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt Nam sang Hoa Kỳ 3T-2022 so với 3T-2021



So sánh 3T-2021/2020

Cà phê ▲ 16,9%  
Cao su ▼ 8,5%  
Chè ▲ 71,1%  
Gạo ▲ 63,3%  
Gỗ và SP Gỗ ▲ 4,7%  
Rau quả ▲ 68,9%  
Thủy sản ▲ 71,5%  
Hạt điều ▲ 17%  
Hạt tiêu ▲ 67%  
Mây tre đan ▲ 43,9%  
SP từ cao su ▼ 6,2%  
TĂGS và NL ▲ 31,9%

### Biến động giá xuất khẩu bình quân của NLTS chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ T3/2022 so với T2/2022



So sánh giá xuất khẩu bình quân T2-2021/2020

Cà phê ▼ 8,2%  
Cao su ▼ 4,7%  
Chè ▲ 0,7%  
Gạo ▲ 3,4%  
Hạt điều ▲ 0,7%  
Hạt tiêu ▼ 0,1%

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Hoa Kỳ đã trở thành thị trường nhập khẩu lớn nhất của nông lâm thủy sản Việt Nam, với kim ngạch lên đến 11,9 tỷ USD trong năm 2021, chiếm 27,5% thị phần trong tổng giá trị hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam. Trong 3 tháng đầu năm nay, xuất khẩu nông lâm thủy sản sang Hoa Kỳ đạt tới 3,5 tỷ USD, chiếm 27,1% trong tổng xuất khẩu ngành nông nghiệp quý đầu năm. Trong đó kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng gỗ và sản phẩm gỗ chiếm tới 68,2% tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản của Việt Nam tại thị trường này.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hoa kỳ trong tháng 3/2022 là gỗ và các sản phẩm gỗ (chiếm 66%), thủy sản (16,5%), hạt điều (5,3%). So với tháng 2/2022, hầu hết các mặt hàng NLTS của Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ đều có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm trước như: gạo tăng 62,4%, thức ăn chăn nuôi tăng 19,6%, hạt tiêu tăng 27,6%, và mây tre đan 27% . Một số mặt hàng có xu hướng giảm như: hạt điều giảm 62,2%, cà phê giảm 54,5% và cao su giảm 45,1%. *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Những tín hiệu tích cực trong xuất khẩu nông sản sang thị trường “siêu khó tính này đã mở ra cơ hội tăng tốc xuất khẩu với kim ngạch lớn trong thời gian tới. Tuy nhiên, theo các doanh nghiệp, các mặt hàng nông sản XK sang Hoa Kỳ vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với các nông sản tươi. Đến nay, Hoa Kỳ đã cấp phép nhập khẩu 6 loại quả tươi từ Việt Nam, gồm: xoài, nhãn, vải, thanh long, chôm chôm và vú sữa. Một số loại trái cây khác như dứa, sầu riêng vẫn được XK sang Hoa Kỳ nhưng dưới dạng sản phẩm đông lạnh. Trong đó, việc XK trái dứa từ đầu năm đến nay không thuận lợi như trước.

Theo Công ty TNHH Xuất nhập khẩu trái cây Mekong, nhà nhập khẩu Hoa Kỳ cho rằng, hai nước chưa có ký kết về XK mặt hàng dứa uống nước nên chưa cho nhập khẩu dứa uống nước. Việc tắc nghẽn XK sang thị trường Hoa Kỳ ảnh hưởng lớn đối với công ty. Các khách hàng đã tìm đến các nhà cung cấp khác. Sau này nếu mở cửa XK sang Hoa Kỳ trở lại công ty mất nhiều thời gian để tìm khách hàng mới.

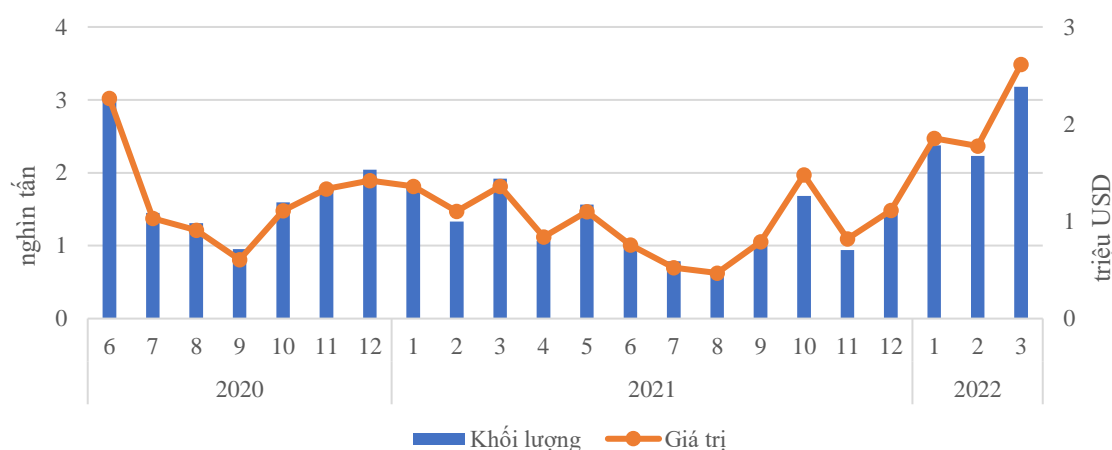
Theo Sở Công Thương Bến Tre, lượng dứa xiêm XK, riêng thị trường Hoa Kỳ chiếm khoảng 40%, nhưng đến nay vẫn chưa XK được khiến quý I/2022 XK dứa xiêm (dứa uống nước) của các doanh nghiệp trên địa bàn giảm hơn 50% về lượng so với cùng kỳ năm trước.

## CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

### 1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2022, Việt Nam xuất khẩu được 3,2 nghìn tấn gạo, trị giá 2,6 triệu USD sang thị trường Hoa Kỳ, tăng 42,6% về khối lượng và 47,4% về giá trị so với tháng trước; và tăng 65,8% về khối lượng và 92,3% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 3 tháng đầu năm 2022 đạt 7,8 nghìn tấn, trị giá 6,3 triệu USD, tăng 54,4% về khối lượng và 63,3% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

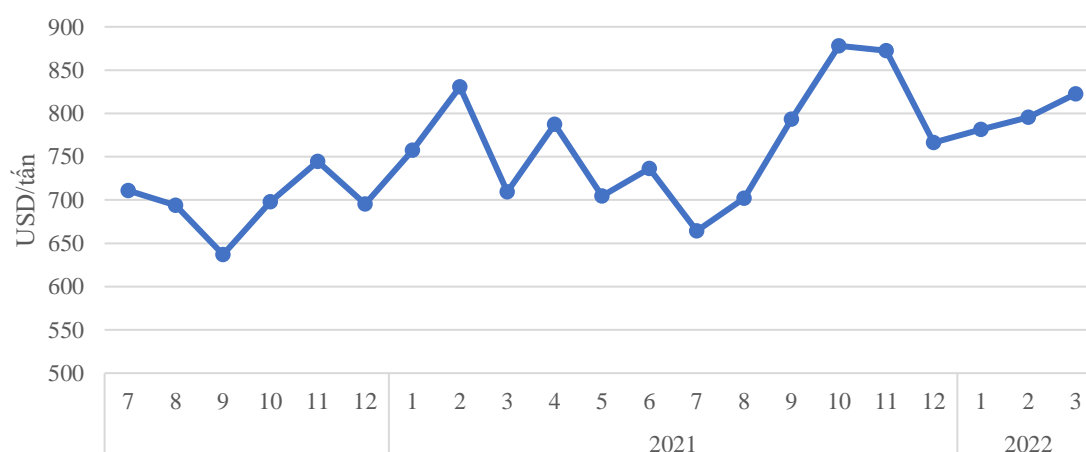
**Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tháng 3/2022 đạt 822,5 USD/tấn, tăng 3,4% so với tháng trước và 15,9% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ**

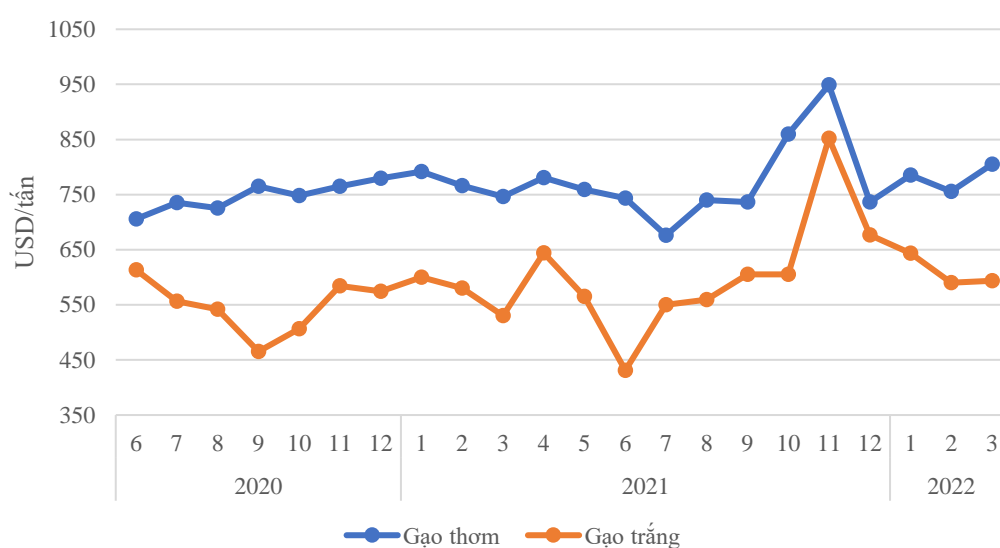


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 3/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt 2,5 nghìn tấn, trị giá 2,2 triệu USD (chiếm 78,3% về khối lượng và 83,7% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm sang Hoa Kỳ đã tăng 89,4% về khối lượng và 111,6% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo thơm tháng 3/2022 đạt trung bình 805,3 USD/tấn, tăng 6,6% so với tháng trước và 7,9% so với cùng kỳ năm ngoái. Ngoài ra, giá gạo trắng đạt 593,9 USD/tấn, tăng 0,7% so với tháng trước và 12,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

*Ghi chú: Giá gạo trắng không bao gồm các loại gạo hữu cơ*

## 2. RAU QUẢ

Theo số liệu của Hiệp hội táo và lê Thế giới (WAPA), tính đến ngày 1/4/2022, dự trữ táo của Hoa Kỳ đạt mức 1,01 triệu tấn, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2021; dự trữ lê đạt 73,2 nghìn tấn, tăng 45,6%.

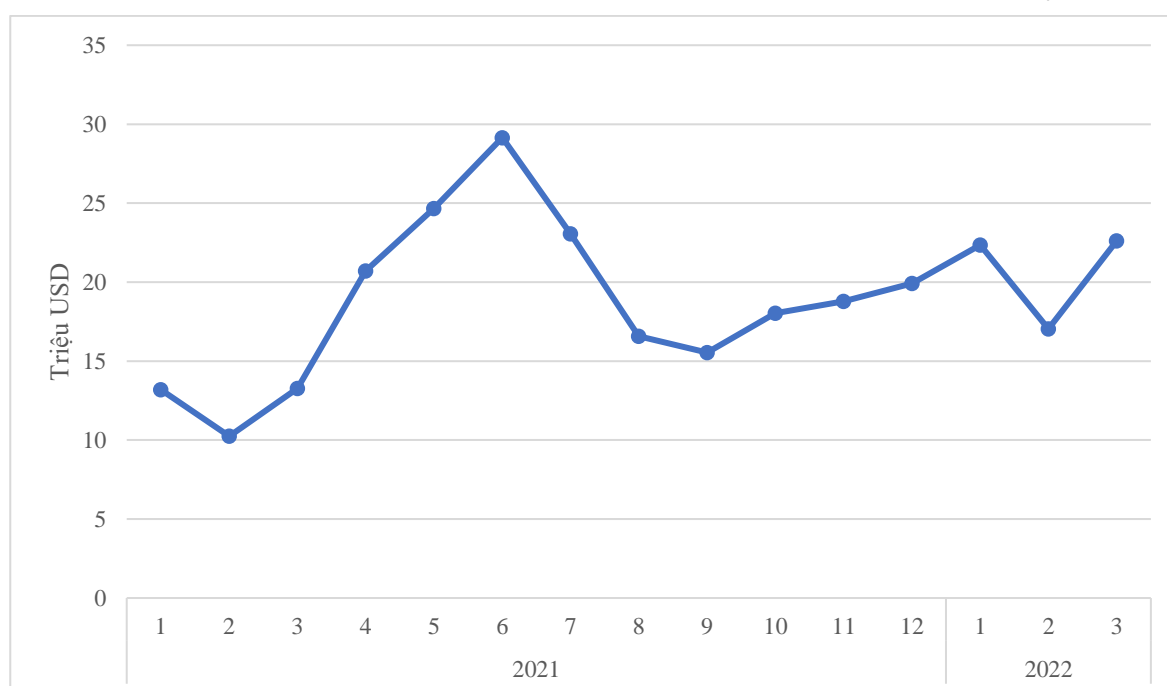
Sản lượng cam quýt năm 2021/22 của Hoa Kỳ được dự báo là 6 triệu tấn, giảm 13% so với sản lượng cuối niên vụ 2020/21. Tổng sản lượng sụt giảm là do sản lượng cam và bưởi thấp hơn ở California, Florida và Texas, và sản lượng quýt thấp hơn ở California và Florida.

Một chỉ số theo dõi bơ từ bang Michoacan, nguồn cung cấp lớn nhất tại Mexico, cho thấy năm nay giá thành đã tăng 81% lên 760 Peso (38 USD)/thùng 9 kg. Đây là mức giá cao kỷ lục theo dữ liệu kể từ năm 1998. Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ, sản lượng bơ Mexico giảm 8% trong niên vụ 2021 - 2022 so với mức cao kỷ lục ở

vụ trước. Các nhà nhập khẩu trái cây Hoa Kỳ vẫn đang vướng vào lệnh cấm tạm thời đối với các lô hàng nhập khẩu từ Michoacan vào tháng 2 do có những lời đe dọa nhằm vào các thanh tra Hoa Kỳ.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 3 năm 2022 đạt 22,6 triệu USD, chiếm 6,6% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, tăng 32,6% so với tháng trước và tăng 70,3% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung cả 3 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này đạt 61,8 triệu USD, chiếm 7,3% thị phần, tăng 68,4% so với cùng kỳ năm 2021.

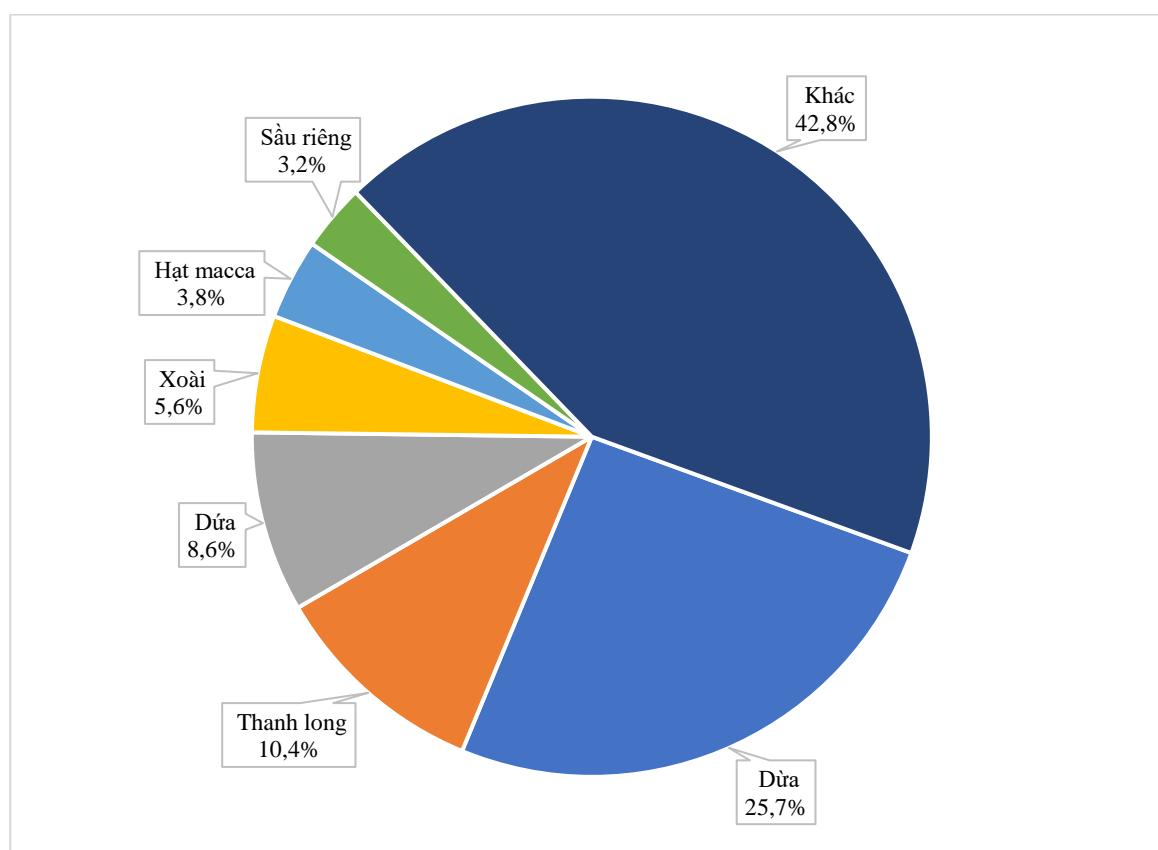
**Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 3 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 9,1 triệu USD (chiếm 40,4% thị phần, tăng 48,4% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 13,5 triệu USD (chiếm 59,6% thị phần), tăng 89,2%, trong đó: (i) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 8,2 triệu USD, tăng 191,8% so với cùng kỳ năm trước; (ii) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 2,9 triệu USD (tăng 40,9%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh) (mã HS.2005) đạt 1,5 triệu USD (tăng 67,6%); v.v.

Trong tháng 3 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ nhiều nhất bao gồm: dứa đạt 5,8 triệu USD (chiếm 25,7% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 199,7% so với cùng kỳ năm 2021; thanh long đạt gần 2,3 triệu USD (chiếm 10,4%), tăng 61,8%; dứa đạt 1,9 triệu USD (chiếm 8,6%), tăng 180,3%; xoài đạt 1,3 triệu USD (chiếm 5,6%), tăng 1,5%; v.v.

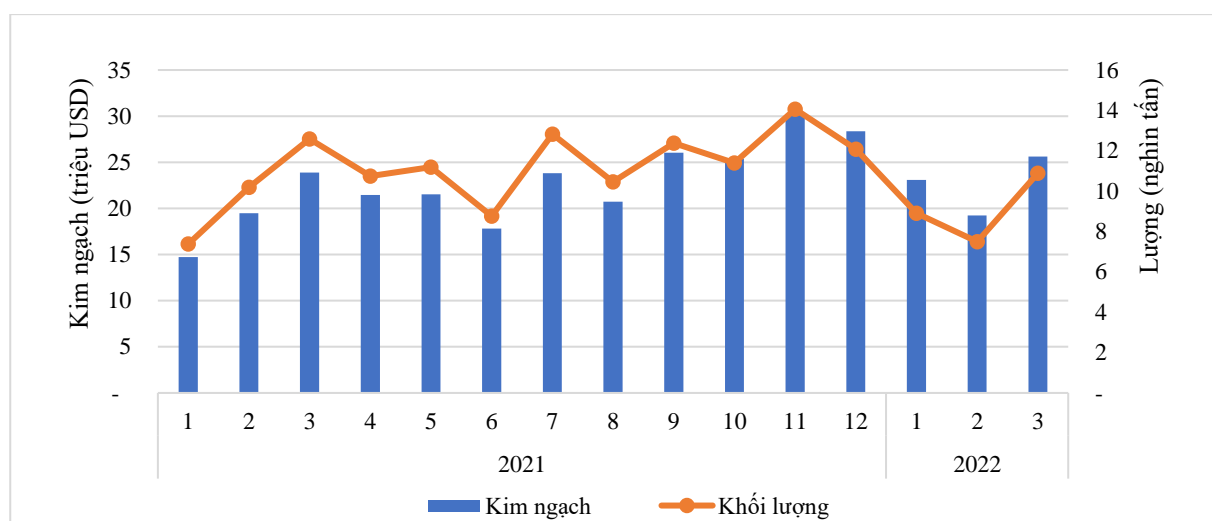
**Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hoa Kỳ tháng 3 năm 2022**

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

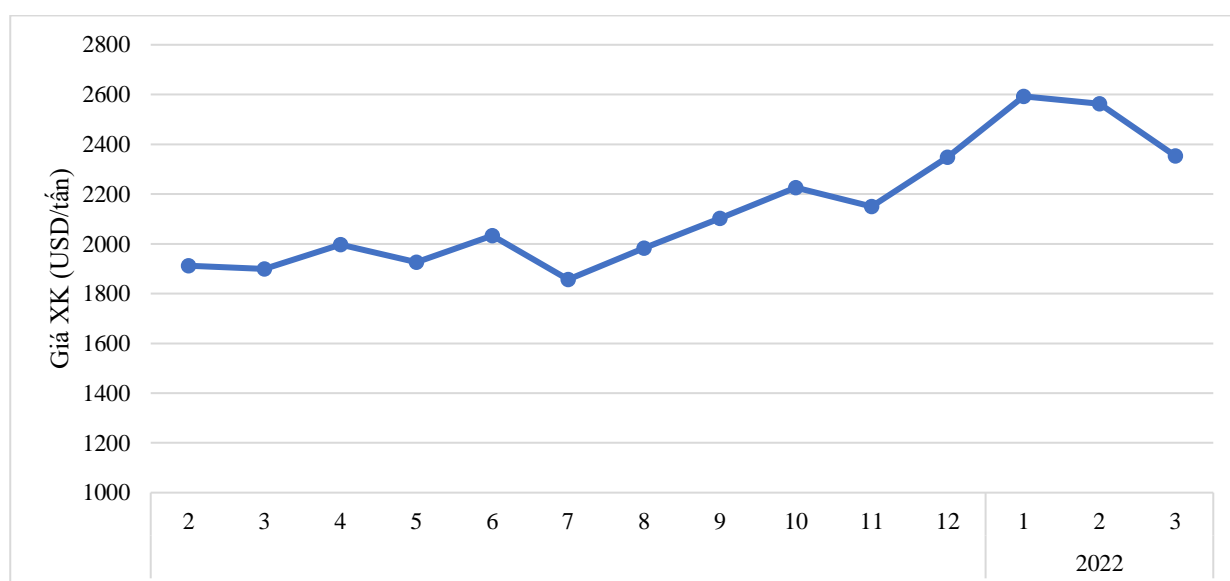
Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hoa Kỳ tháng 3 năm 2022 đạt 32,8 triệu USD, chiếm 22,8% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 55,4% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 3 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 77,7 triệu USD, chiếm 14,5% thị phần, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 3/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: hạt dẻ đạt 10,4 triệu USD, chiếm 31,7% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 50,4% so với cùng kỳ năm 2021; táo đạt 9,3 triệu USD (chiếm 28,3%), tăng 77,9%; hạnh nhân đạt 6,9 triệu USD (chiếm 20,7%), tăng 66,6%; óc chó đạt 2,2 triệu USD (chiếm 6,9%), giảm 15,7%; khoai tây đạt 1,6 triệu USD (chiếm 4,8%), tăng 22,7%; v.v.

### 3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 03/2022 ước đạt 10,9 nghìn tấn với trị giá 25,6 triệu USD, tăng 45,2% về khối lượng và 33,3% về giá trị so với tháng trước, và giảm 13,4% về khối lượng nhưng tăng 7,2% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

**Hình 6. Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ***Nguồn: Tổng cục Hải quan*

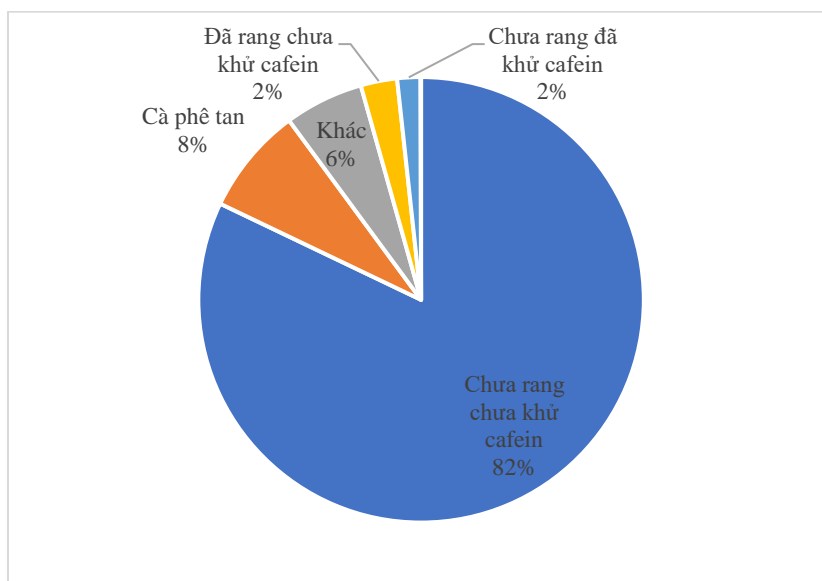
Tháng 03/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ đạt mức 2.353 USD/tấn, giảm 8,2% so với tháng trước nhưng tăng 23,9% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 7. Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hoa Kỳ***Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 03/2022, cà phê chưa rang chưa khử caffein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 21,0 triệu USD, chiếm 82,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 2,0 triệu USD, chiếm 7,8% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử caffein và cà phê chưa rang đã khử caffein, chiếm lần lượt 2,6% và 1,7% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.



**Hình 8. Chứng loại cà phê xuất khẩu sang Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 03/2022**

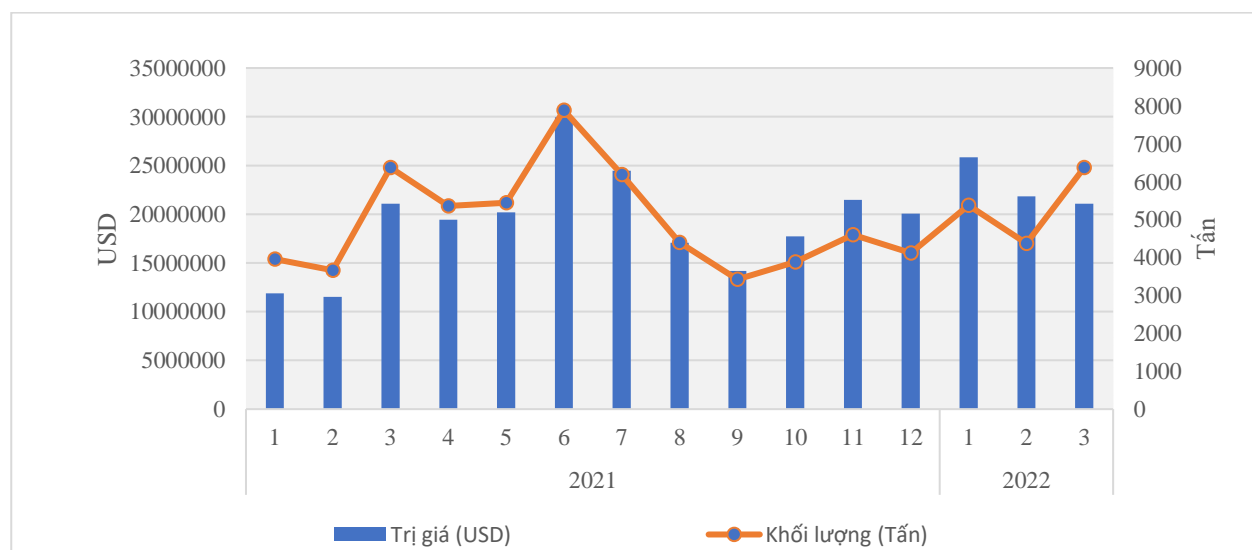


Nguồn: Tổng cục Hải quan

#### 4. HỒ TIÊU

Theo công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hoa Kỳ trong tháng 3/2022 đạt 6.377 tấn, tương ứng với 21 triệu USD, tăng 45,86% về khối lượng nhưng giảm 12,17% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường này tăng 5,58% về khối lượng và 45,65% về giá trị.

**Hình : Khối lượng và giá trị xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ**

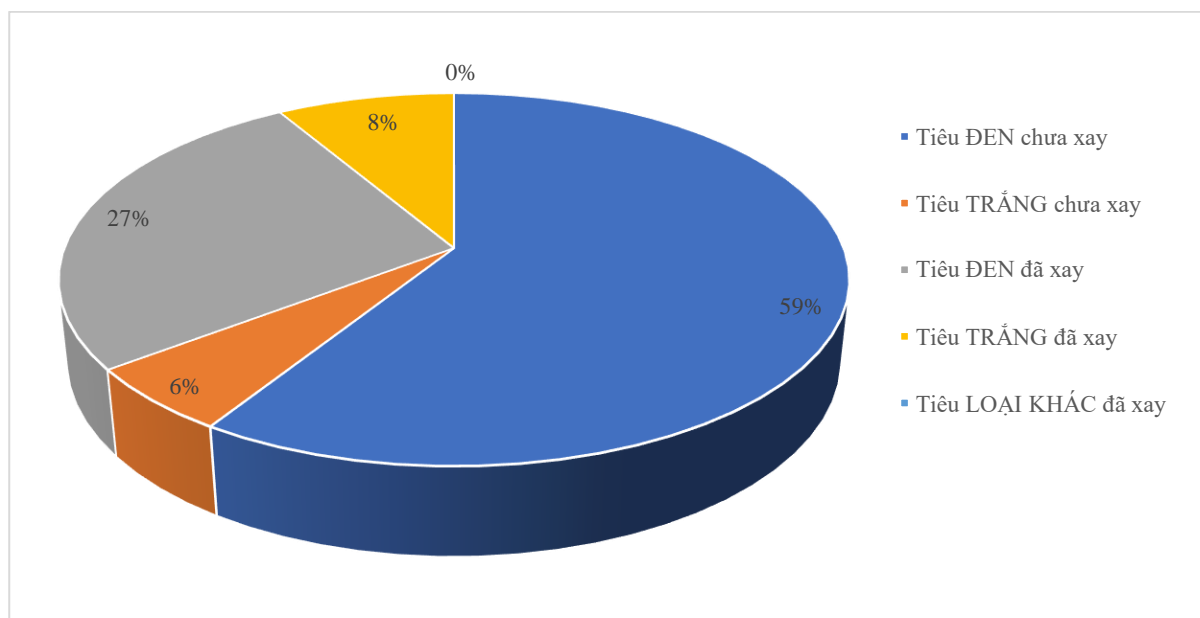


Nguồn: Tổng cục Hải quan



Trong tháng 3/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là loại sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 59% tổng giá trị tiêu các loại xuất khẩu sang Hoa Kỳ, tăng 27% so với tháng trước và 37% so với cùng kỳ năm trước. Sản phẩm được xuất khẩu nhiều thứ hai là tiêu trắng chưa xay, chiếm 27%, giảm 1,9% so với năm trước nhưng tăng 24% so với tháng trước.

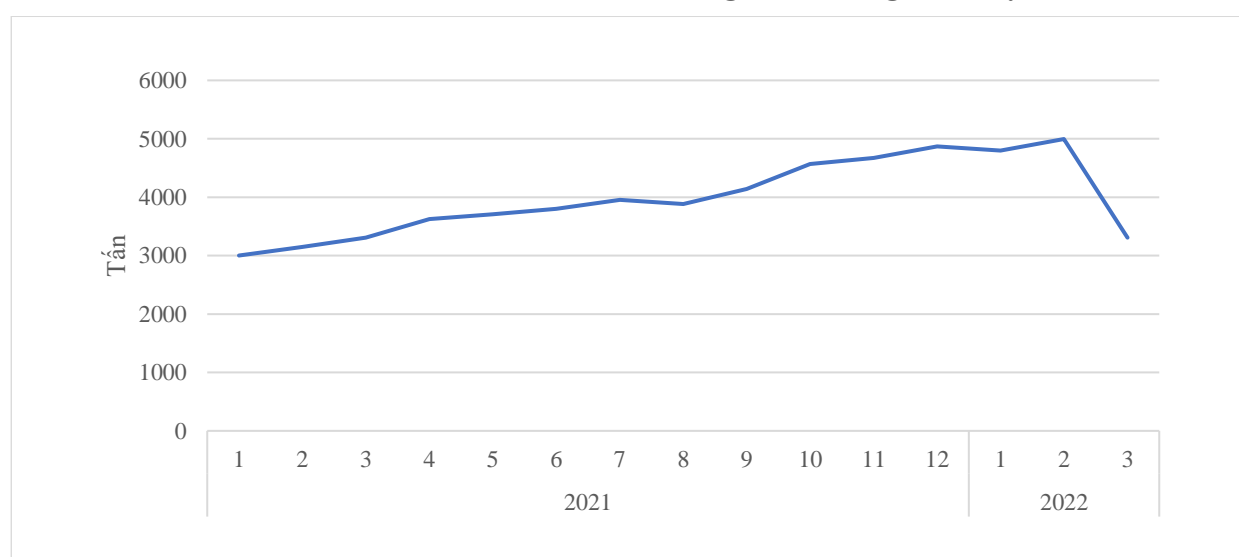
**Hình: Cơ cấu xuất khẩu Hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 3/2022**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Giá xuất khẩu trung bình của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này trong tháng 3/2022 đạt 3.305 USD/tấn, giảm 33,8% so với tháng trước nhưng tăng 38% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình : Giá xuất khẩu hồ tiêu sang thị trường Hoa Kỳ**

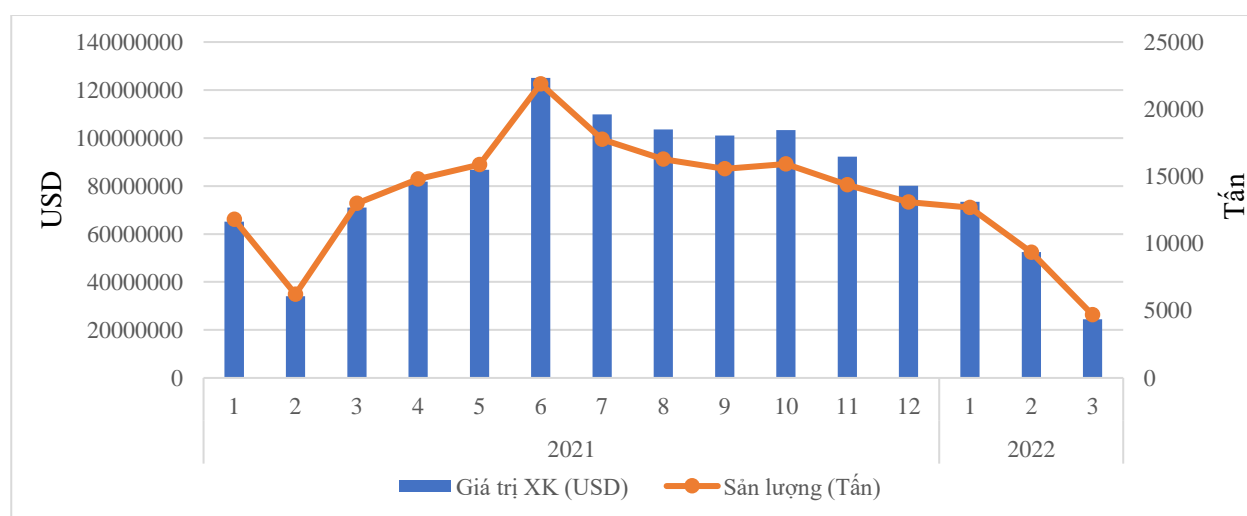


*Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam*

## 5. HẠT ĐIỀU

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 3/2022, giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ đạt 4,6 nghìn tấn, trị giá 24,37 triệu USD, giảm 49,7% về khối lượng và 53,6% về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu điều sang thị trường này cũng giảm 63,8% về khối lượng và 65,6% về giá trị.

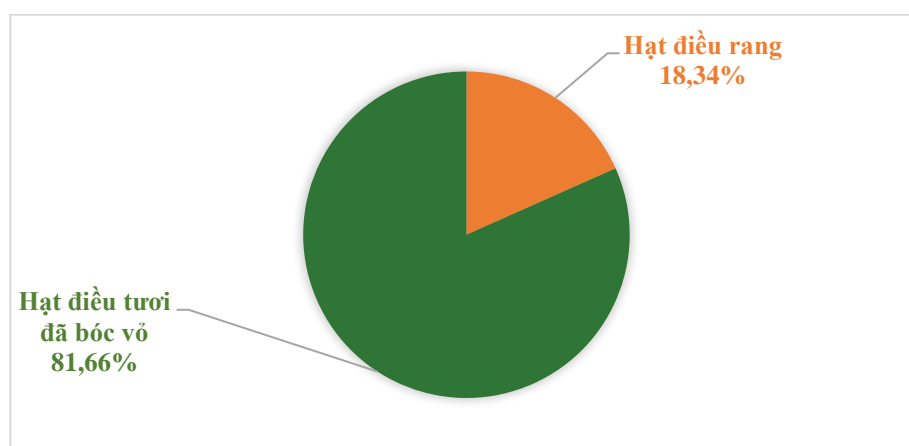
**Hình 9. Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều sang thị trường này vẫn chủ yếu là hạt điều tươi đã bóc vỏ chiếm tới 82%, đạt 59,7 triệu USD, tăng 39,9% so với tháng trước nhưng giảm 2,9% so với cùng kỳ năm trước; hạt điều rang đạt 13,4 triệu USD chiếm 18,3%, tăng 48,6% so với cùng kỳ năm trước và 45,3% so với tháng trước.

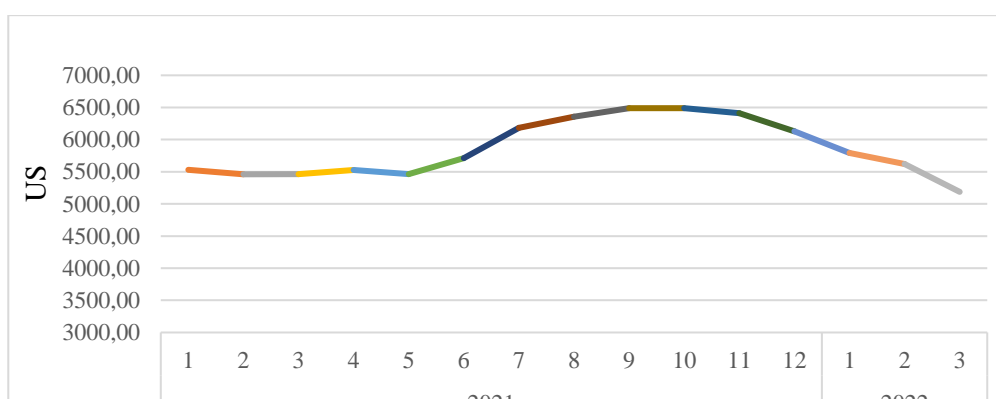
**Hình 10. Cơ cấu sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ**



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Hoa Kỳ tiếp tục giảm nhẹ vào cuối năm. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân tháng 3/2022 đạt 5.187 nghìn USD/tấn, giảm 7,7% so với tháng trước và 5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, giá xuất khẩu hạt điều tươi đã bóc vỏ sang thị trường này trung bình đạt 5,6 USD/kg, giảm 0,3% so với tháng trước nhưng tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 11: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 6. THỦY SẢN

Doanh thu tiêu thụ thủy sản tại Hoa Kỳ trong tháng 3/2022 bị ảnh hưởng bởi lạm phát tăng kỷ lục. Theo đó, giá thủy sản tươi sống tại Hoa Kỳ trong tháng 3/2022 tăng 12,1% so với cùng kỳ năm 2021, cao hơn so với mức tăng 10,9% của tháng 2/2022. Giá tăng làm doanh thu thủy sản tươi sống tại Hoa Kỳ giảm 10,4% so với cùng kỳ năm 2021, xuống còn 505 triệu USD trong tháng 3/2022. Trong đó, doanh thu thủy sản có vỏ giảm 27,8%; Cua, tôm hùm, cá rô phi và cá da trơn giảm lần lượt 34%, 27%, 21,6% và 16,4%. Trong khi đó, doanh thu tiêu thụ thủy sản đông lạnh trong tháng 3/2022 tăng 1,1%, lên mức 605 triệu USD; Doanh thu thủy sản bảo quản tăng 9,2%, lên mức 222 triệu USD. Sản phẩm thủy sản đông lạnh và đóng hộp có lợi thế so với sản phẩm tươi sống trong giai đoạn lạm phát như hiện nay do: hạn sử dụng dài hơn, giá cả cạnh tranh hơn và nhận thức của người tiêu dùng về giá. Nhiều người tiêu dùng cho rằng thủy sản đông lạnh có giá thấp hơn thủy sản tươi sống.

Tháng 3/2022, Ê-cu-a-đô trở lại vị trí thị trường cung cấp tôm lớn thứ 2 cho Hoa Kỳ, đạt 16.168 tấn, trị giá 125,2 triệu USD, tăng 44% về lượng và tăng 73% về giá trị so với tháng 2/2021; Giá nhập khẩu tôm từ Ê-cu-a-đô vào Mỹ trung bình ở mức 7,75 USD/kg, tăng 19% so với tháng 2/2021 nhưng giảm 1% so với tháng 1/2022

Theo Cơ quan Quản lý Khí quyển và Đại dương Quốc gia Mỹ (NOAA), trong tháng 2/2022, ôm, trị giá 636,4 triệu USD, tăng 25% về lượng và tăng 41% về trị giá so với tháng 2/2021. Giá nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ tháng 2/2022 trung bình ở mức 9,59 USD/kg, tăng 13% so với tháng 2/2021 và tăng 1% so với tháng 1/2022. Ấn Độ là thị

trường cung cấp tôm lớn nhất cho Hoa Kỳ trong tháng 2/2022, đạt 22.868 tấn, trị giá 219,3 triệu USD, tăng 15% về lượng và tăng 25% về trị giá so với tháng 2/2021; Giá nhập khẩu tôm từ thị trường Ấn Độ trung bình đạt 9,59 USD/kg, tăng 12% so với tháng 2/2021 và tăng 4% so với tháng 1/2022

Hoa Kỳ tiếp tục duy trì vị trí số 1 trong các nước xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Theo tổng cục hải quan, tháng 3/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt trên 228,9 triệu USD, chiếm 22,4% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam, đưa tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này quý I/2022 đạt 575 triệu USD, tăng 71,5% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 12. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 3/2022**

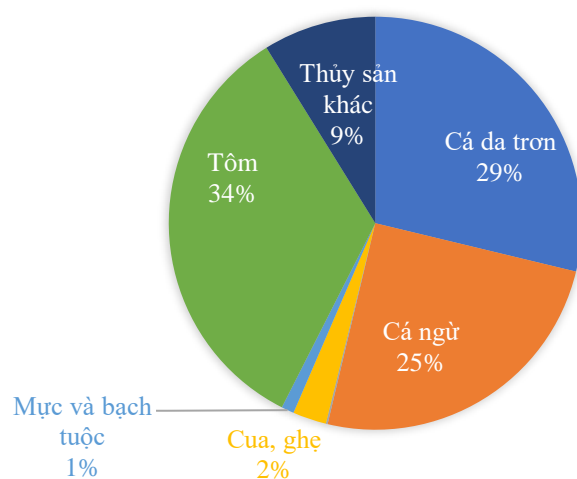
ĐVT: Triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này tăng trưởng trở lại sau khi giảm nhẹ vào tháng trước, tôm là mặt hàng thủy sản lớn nhất xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 3/2022, chiếm 33,7%, cá da trơn chiếm 28,8%

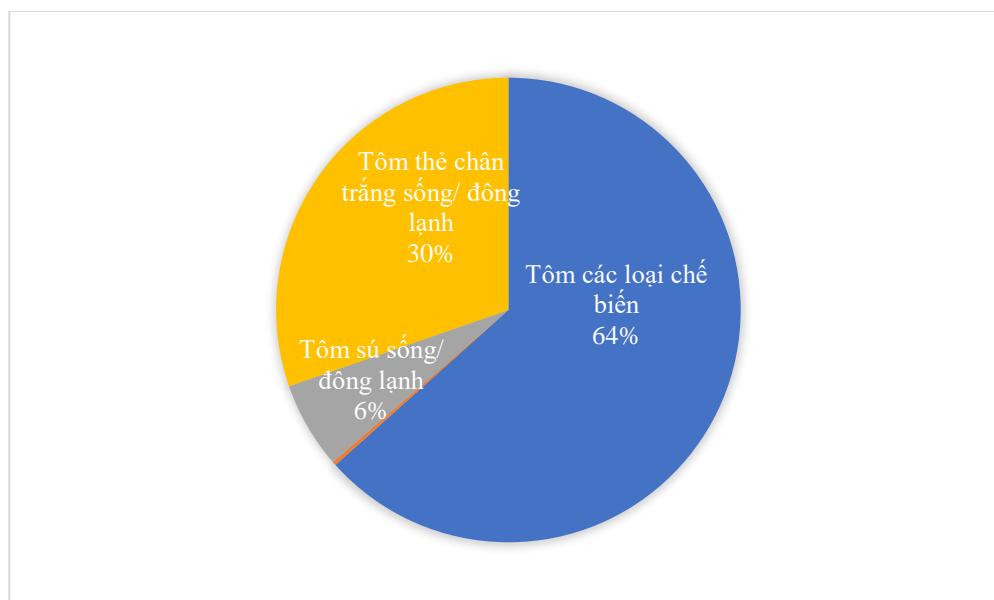
**Hình 13. Cơ cấu xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hoa Kỳ tháng 3/2022**



Nguồn: Tổng cục hải quan

Tháng 3/2022, xuất khẩu tôm chế biến các loại của Việt Nam sang thị trường Hoa Kỳ đạt 48,9 triệu USD, chiếm 63,4% giá trị xuất khẩu sang thị trường này, tăng 8,6% so với tháng 3/2021; tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 23,4 triệu USD, chiếm 30,3%, tăng 99,5%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 4,7 triệu USD, chiếm 6%, tăng 15%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,2 triệu USD, chiếm 0,3%, giảm 65,6%.

**Hình 14. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hoa Kỳ tháng 3/2022**



*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước (tăng 127,1%). Cá da trơn xuất khẩu sang thị trường này chủ yếu là cá tra phi lê chiếm tới 98%, đạt 64,6 triệu USD, tăng 126,8% so với cùng kỳ năm trước và 58,7% so với tháng trước.

Một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 2/2022 như sau: Cá ngừ đạt 57,1 triệu USD, tăng 84,5% so với tháng 3/2021; cua, ghẹ đạt 6 triệu USD, tăng 69,6%; mực bạch tuộc đạt 2,3 triệu USD, tăng 25,7% và thủy sản khác đạt 20,2 triệu USD, giảm 4,4%.

Tháng 3/2021, giá xuất khẩu tôm đạt trung bình 11,6 USD/kg, tăng 15,8% so với cùng kỳ năm 2021; cá da trơn đạt 5 USD/kg tăng 1,6%. Cụ thể,

**Bảng 1. Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ tháng 2/2022**

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	5,0	1,6%	15,4%
2	Cá ngừ	13,4	46,0%	9,6%
3	Cua, ghẹ	19,5	10,1%	-9,8%
4	Mực và bạch tuộc	11,4	-12,2%	-33,7%
5	Tôm	11,6	15,8%	-3,0%

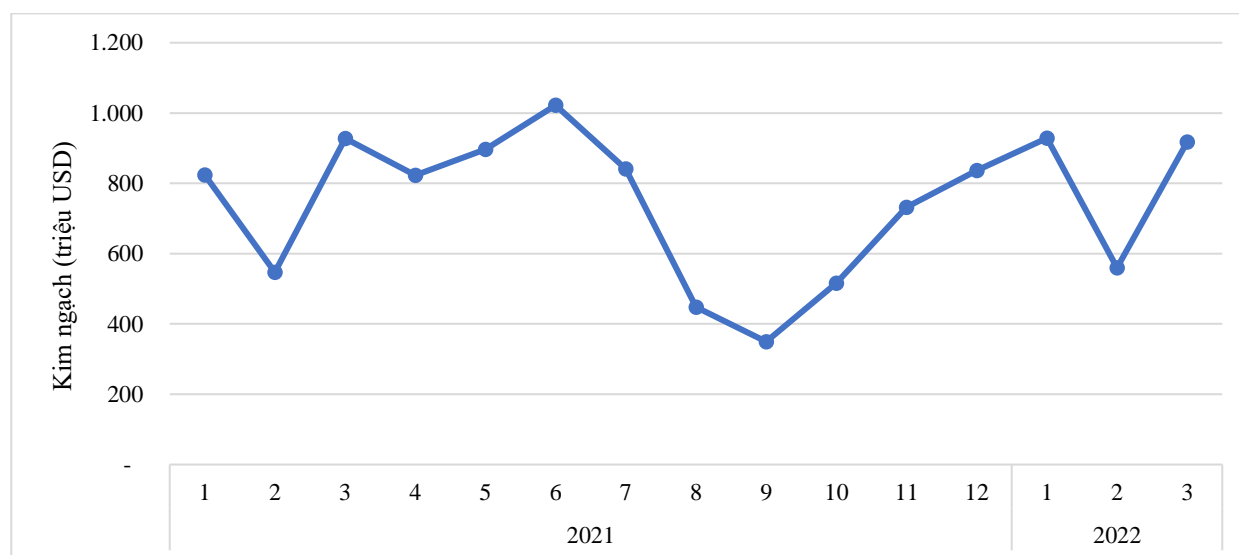
*Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan*

## 7. GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Mới đây, Bộ Thương Mại Hoa Kỳ (DOC) đã thông báo gia hạn thời gian ban hành kết luận cuối cùng vụ việc điều tra chống lẫn tránh thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với gỗ dán cứng từ Việt Nam. Theo đó, DOC dự kiến ban hành kết luận cuối cùng vào ngày 17 tháng 10 năm 2022 thay vì ngày 20 tháng 4 năm 2022 như thông báo trước đây. Đây là lần gia hạn thứ ba của DOC đối với nội dung này.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 03/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 917,8 triệu USD, tăng 64,0% so với tháng trước nhưng giảm 1,1% so với cùng kỳ năm 2021.

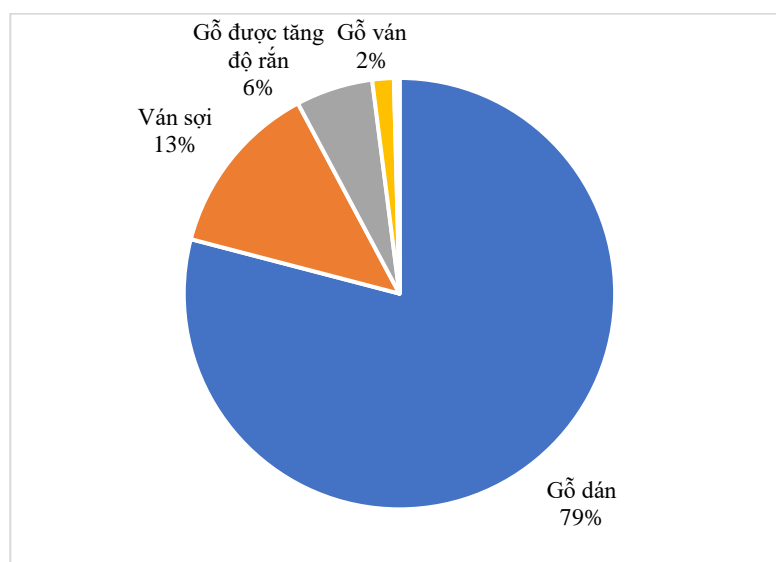
**Hình 15: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 03/2022, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 26,7 triệu USD, chiếm 79,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là ván sợi với kim ngạch 4,4 triệu USD, chiếm 13,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ được tăng độ rắn và gỗ ván, chiếm lần lượt 5,8% và 1,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

**Hình: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 03/2022**

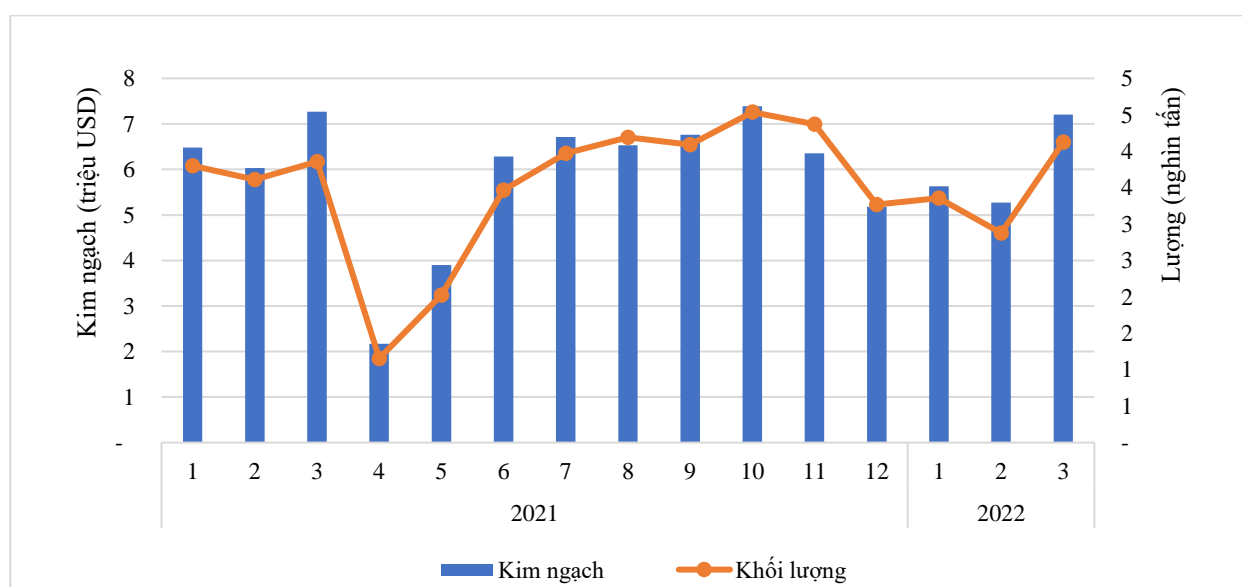


Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 8. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 03/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ ước đạt 4,1 nghìn tấn với trị giá 7,2 triệu USD, tăng 43,5% về khối lượng và 36,7% về giá trị so với tháng trước, và tăng 6,9% về khối lượng nhưng giảm 0,8% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

**Hình 16: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Hoa Kỳ**

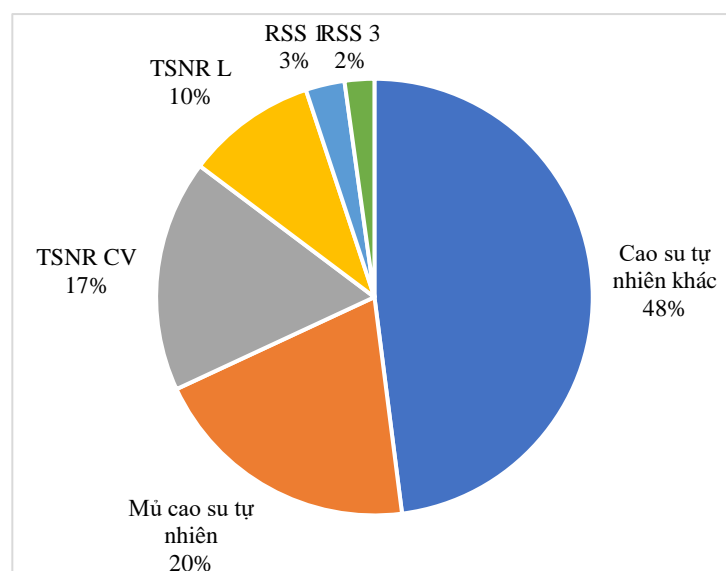


Nguồn: Tổng cục Hải quan



Trong tháng 03/2022, mủ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hoa Kỳ đạt 1,4 triệu USD, chiếm 20,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 1,2 triệu USD, chiếm 17,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR L và RSS 1, chiếm lần lượt 9,7% và 2,9% tổng giá trị xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

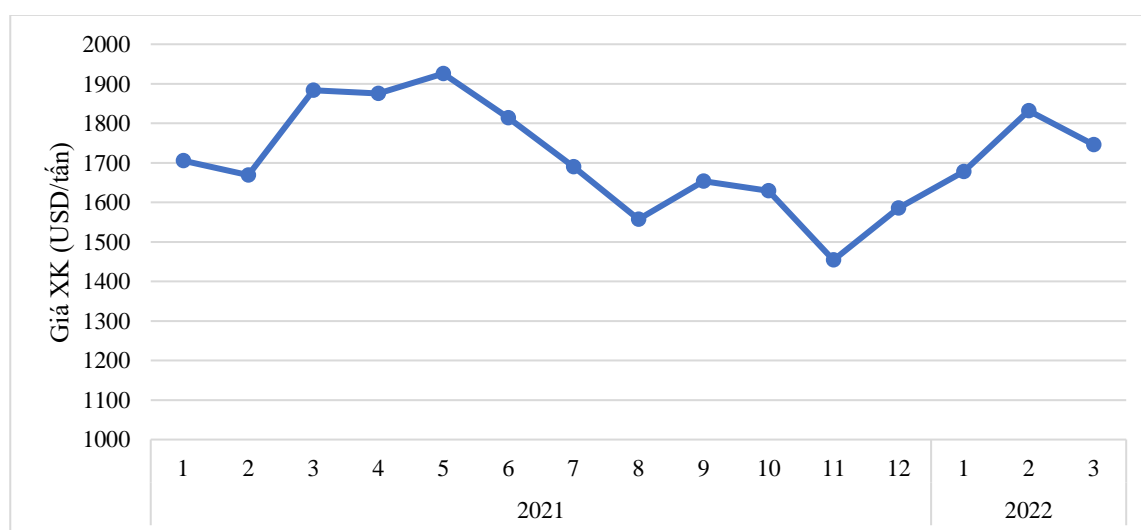
**Hình 17: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ theo kim ngạch tháng 03/2021**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá cao su tự nhiên xuất khẩu trung bình sang thị trường Hoa Kỳ trong tháng 03/2022 đạt mức 1.746 USD/tấn, giảm 4,7% so với tháng trước và giảm 7,3% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 18: Giá cao su xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*



## NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

### 1. Lúa gạo

Trong tháng 4/2022, trạm thí nghiệm Nông nghiệp Arkansas thông báo đã thí nghiệm thành công loại gạo thơm mới có tên là Aroma22. Loại gạo này có hương thơm và chất lượng tương đương với các loại gạo thơm nhập khẩu từ Châu Á. Gần đây, Hoa Kỳ đã tăng nhập khẩu gạo từ Châu Á mà đặc biệt là gạo Jasmine từ Thái Lan. Việc có thể tự sản xuất gạo thơm sẽ giúp cho Hoa Kỳ tăng khả năng chiếm lĩnh thị phần nội địa của mình so với gạo nhập khẩu. Do đó, trong thời gian tới, gạo thơm Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ sẽ gặp phải sự cạnh tranh lớn hơn không chỉ từ đối thủ như Thái Lan mà còn từ chính các nhà sản xuất gạo trên thị trường nội địa Hoa Kỳ.

### 2. Hạt tiêu

Theo số liệu thống kê Tổng cục Hải quan, trong quý 1/2022, thị trường Mỹ tiêu thụ nhiều nhất các loại hạt tiêu của Việt Nam, đạt 15.062 tấn, tương đương 74,18 triệu USD, chiếm 28% trong tổng lượng và chiếm 29,6% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu của cả nước, tăng 7,2% về lượng, tăng 66% kim ngạch so với cùng kỳ năm 2021, giá tăng mạnh 54,9%, đạt 4.925 USD/tấn.

### 3. Hạt điều

Mỹ hiện là thị trường nhập khẩu nhiều nhất hạt điều của Việt Nam. Theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, nhập khẩu hạt điều của nước này trong tháng 01/2022 đạt 13.510 tấn, trị giá 90,66 triệu USD, tăng 13,5% về lượng và tăng 24,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Điều đáng mừng là, giá nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam tăng 9,4%, lên mức 6.639 USD/tấn; từ Nigeria tăng 47,5%, lên mức 7.166 USD/tấn; từ Brazil tăng 8,5%, lên mức 6.779 USD/tấn. Tuy nhiên, thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Mỹ giảm từ 90,87% trong tháng 01/2021 xuống còn 87,2% trong tháng 01/2022.

### 4. Thủy sản

Thị trường Hoa Kỳ, các nhà nhập khẩu nước này tăng cường việc nhập khẩu cá tra khi mức tồn kho cá tra đã ở mức rất thấp sau hai năm dịch bệnh. Bên cạnh đó, diện tích nuôi trồng cá da trơn tại Hoa Kỳ giảm trong 3 năm liên tiếp, ảnh hưởng đến nguồn cung cấp cá da trơn của nước này. Đây cũng chính là hai yếu tố tạo đà cho ngành cá tra của Việt Nam tăng trưởng mạnh từ quý 4/2021 đến nay. Dự báo, trong quý 2/2022, xuất khẩu cá tra sang các thị trường này tiếp giữ mức tăng trưởng cao do nhu cầu tiêu thụ gia tăng và ổn định do giá cá tra cạnh tranh và có thể lấp khoảng trống ở một số phân khúc với sản phẩm cá thịt trắng (cá tuyết, cá minh thái) bị thiếu hụt nguồn cung từ Nga.

### 5. Gỗ và sản phẩm gỗ

Theo Thương vụ Việt Nam tại Hoa Kỳ, thị trường Mỹ còn nhiều dư địa cho sản phẩm đồ gỗ, nội thất Việt Nam. Dù gặp nhiều trở ngại do dịch COVID-19 và tình trạng

ách tắc trong chuỗi logistics, song thị trường Hoa Kỳ vẫn còn nhiều dư địa dành cho sản phẩm đồ gỗ, nội thất Việt Nam trong thời gian tới.

## 6. Cao su

Theo Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), triển vọng thị trường cao su tự nhiên toàn cầu vẫn khả quan trong năm 2022, khi cung vẫn thấp hơn cầu. Cụ thể, sản lượng cao su tự nhiên trên thế giới năm 2022 dự kiến sẽ tăng 1,9% so với năm 2021, lên mức 14,107 triệu tấn; trong khi tiêu thụ dự kiến tăng 1,2% so với năm 2021, lên mức 14,232 triệu tấn.

Các yếu tố hỗ trợ cho giá cao su năm 2022 bao gồm: điều kiện thời tiết bất lợi có thể làm khan hiếm nguồn cung trong những tháng tới; tốc độ tăng trưởng doanh số bán ô tô khả quan ở các nền kinh tế lớn; nhu cầu găng tay cao su và quần áo bảo hộ cá nhân tăng.

Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức có thể ảnh hưởng đến nhu cầu cao su như: thiếu chất bán dẫn có thể ảnh hưởng đến sản xuất ô tô, giá dầu thô tăng cao, khủng hoảng địa chính trị, tình trạng thiếu container, chi phí vận tải cao và thông quan chậm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng.

## PHỤ LỤC

**Bảng 2. Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hoa Kỳ tháng 3/2022**

STT	Sản phẩm	Tháng 3/2022 (USD)	Tăng/giảm so T2/2022	Tăng /giảm so T3/2021	Tỷ trọng T3/2022
1	Cà phê	25,623,856	-54.5%	7.2%	1.8%
2	Cao su	7,203,917	-45.1%	-0.8%	0.5%
3	Chè	869,304	-34.6%	26.6%	0.1%
4	Gạo	2,616,495	62.4%	92.3%	0.2%
5	Gỗ và sản phẩm gỗ	917,809,088	-15.2%	-1.1%	66.0%
6	Hàng rau quả	22,603,926	-34.1%	70.3%	1.6%
7	Hàng thủy sản	228,883,996	-35.7%	56.8%	16.5%
8	Hạt điều	73,105,278	-62.2%	3.0%	5.3%
9	Hạt tiêu	27,127,550	-23.9%	27.6%	2.0%
10	Mây tre đan	37,405,450	-26.4%	27.0%	2.7%
11	SP từ cao su	34,630,332	-35.4%	-8.4%	2.5%
12	TĂGS &NL	12,287,644	19.6%	30.0%	0.9%
<b>Tổng XK NLTS</b>		<b>1,390,166,836</b>	<b>-26,4%</b>	<b>7,8%</b>	

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 3. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hoa Kỳ tháng 3/2022**

Loại sản phẩm	Tháng 3/2021		Tháng 3/2022		So sánh 2022/2021 (%)	
	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
Gạo thơm	1.316	1.035.122	2.492	2.189.891	89,4%	111,6%
Gạo trắng	433	208.909	571	337.195	31,8%	61,4%
Các loại gạo khác	169	116.689	118	89.409	-29,9%	-23,4%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 4. Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hoa Kỳ tháng 2/2022**

TT	Sản phẩm	T3/2021	T3/2022	So sánh T3.2022/T3.2021
		(USD)	(USD)	
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>13.275.089</b>	<b>22.603.926</b>	<b>70,3%</b>
1	Dừa	1.936.479	5.804.253	199,7%
2	Thanh long	1.450.132	2.346.731	61,8%
3	Dứa	692.466	1.941.239	180,3%
4	Xoài	1.240.255	1.259.073	1,5%
5	Chôm chôm	97.370	8.580	-91,2%
6	Vải	6.442	45.487	606,1%
7	Vú sữa	358.836	32.914	-90,8%
8	Nhãn	93.240	4.000	-95,7%
9	Khác	7.399.869	11.161.648	50,8%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5. Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng cà phê sang Hoa Kỳ tháng 2/2022**

Mặt hàng	T02/2021 (USD)	T02/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	20.006.785	21.034.626	5,14%
Cà phê tan	976.874	1.997.302	104,46%
Khác	1.126.239	1.470.024	30,53%
Đã rang chưa khử cafein	1.452.338	431.794	-70,27%
Chưa rang đã khử cafein	319.853	676.457	111,49%
Đã rang đã khử cafein	231	9.960	4211,69%
<b>Tổng</b>	<b>23.882.319</b>	<b>25.620.164</b>	<b>7,28%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 6: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang Hoa Kỳ tháng 2/2022**

Loại sản phẩm	Tháng 3/2022	Tháng 3/2021	So sánh 2022/21(%)
	(USD)	(USD)	
Cá da trơn	41.495.506,1	15.934.525,0	160,4%
Cá da trơn	65.841.360,3	28.998.256,9	127,1%
Cá ngừ	57.096.436,9	30.938.448,2	84,5%

Cá rô phi	318.373,2	125.150,0	154,4%
Cua, ghẹ	6.032.652,3	3.556.061,9	69,6%
Mực và bạch tuộc	2.260.737,0	1.002.707,8	125,5%
Tôm	77.102.918,7	61.362.168,2	25,7%
Thủy sản khác	20.231.517,6	20.018.481,1	1,1%
<b>Tổng</b>	<b>228.883.996,0</b>	<b>146.001.274,0</b>	<b>56,8%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*